

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1664/2022/QĐST-HNGĐ

Biên H, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2214/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Tuấn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: B20, cư xá Bạch Đ, khu phố 2, phường Quyết T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Ngô Thị Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 53/1, khu phố Nhất H, phường Hiệp H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/7/2022, bà T, ông H cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, bà Tg, ông H thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 22/8/2022. Bà T, ông H cùng cư trú tại thành phố B, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của bà T, ông H được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Lê Tuấn H và bà Ngô Thị Ngọc T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Hiệp H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013, ngày 03/4/2013. Bà T, ông H có 02 con

chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Tuấn T, sinh ngày 31/7/2019. Ly hôn, bà T, ông H thỏa thuận giao cả 02 con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà T, ông H xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, bà T, ông H thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà T, ông H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy bà T, ông H thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của bà T, ông H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của bà T, ông H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lê Tuấn H và bà Ngô Thị Ngọc T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 22/10/2013 và Lê Tuấn T, sinh ngày 31/7/2019 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: bà T, ông H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: bà T, ông H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: bà T, ông H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0003754 ngày 05/8/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố B, bà T, ông H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy